

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày: 21/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Quốc Trưởng.

+ Ông Phan Trường Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thuyền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trà Văn Bên- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Thanh Đ, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2001 tại tỉnh Quảng Ngãi

Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: sinh viên; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và hình sự. Ngày 27/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mộ Đức khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Thanh Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi trú, kể từ ngày 27/02/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1969- Chủ tiệm vàng K.

Nơi cư trú: T 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thanh V, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/01/2023, bị cáo Lê Thanh Đ đi dạo chơi thì gặp một người bán hàng rong (chưa xác định được tên, địa chỉ) mua một chiếc nhẫn màu vàng, mặt trong có dòng số “9999” với giá 10.000đ (*mười ngàn Việt Nam đồng*). Vì muốn có tiền tiêu xài, bị cáo Lê Thanh Đ đã nảy sinh ý định sử dụng chiếc nhẫn trên để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 10/01/2023, bị cáo Đ từ nhà mang theo nhẫn mà bị cáo đã mua vào ngày 09/01/2023, để trong túi áo khoác, điều khiển xe mô tô mang biển số 76G1 – 03395 đến tiệm vàng K thuộc t 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi đến tiệm vàng, bị cáo Đ gặp ông Phạm Ngọc H (chủ tiệm vàng K) là người đang bán vàng. Bị cáo Đ nhìn qua tủ trưng bày và thấy một nhẫn vàng giống với nhẫn mà bị cáo Đ đã chuẩn bị, nên yêu cầu ông H lấy ra cho bị cáo xem. Ông H lấy chiếc nhẫn vàng 9999 hai chỉ đưa cho bị cáo Đ, bị cáo Đ cầm lên xem và sờ vào ngón tay út của mình, cảm thấy chiếc nhẫn trên có kích thước, đặc điểm không giống với chiếc nhẫn mà bị cáo Đ đã chuẩn bị, nên bị cáo Đ yêu cầu một chiếc nhẫn khác trong hàng trưng bày. Ông H tiếp tục lấy chiếc nhẫn vàng theo yêu cầu của bị cáo Đ là chiếc nhẫn mặt trong có dòng chữ, số “K 9999 20” đưa cho bị cáo Đ và bị cáo Đ tiếp tục sờ vào ngón tay út của mình; nhận thấy chiếc nhẫn có đặc điểm giống với nhẫn mà bị cáo Đ đã chuẩn bị trong túi áo khoác, nên đã tìm cách để chiếm đoạt chiếc nhẫn trên. Bị cáo Đ đặt lại nhẫn của tiệm vàng vừa đưa xem trên bàn và giả vờ gọi điện thoại; lợi dụng lúc ông H xoay người đi chỗ khác, bị cáo Đ nhanh tay lấy nhẫn của mình chuẩn bị trong túi áo khoác mặt trong nhẫn có dòng chữ “9999” đặt trên bàn và lấy chiếc nhẫn của tiệm vàng mặt trong nhẫn có dòng chữ “K 9999 20” bỏ vào túi áo khoác của mình. Sau khi chiếm đoạt được chiếc nhẫn của tiệm vàng K, bị cáo Đ nói với ông H là không có nhu cầu mua vàng nữa rồi rời đi, ông H kiểm tra và phát hiện chiếc nhẫn đặt trên bàn không phải chiếc nhẫn của tiệm vàng nên hô hoán và giữ bị cáo Đ lại, trình báo với Cơ quan chức năng

Tại bản kết luận giám định số: 121/KL-KTHS, ngày 19/01/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại TP. Đà Nẵng kết luận:

- 01 (một) chiếc nhẫn tròn trơn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong nhẫn có chữ, số “K 9999 20” gửi giám định là kim loại vàng (Au); hàm lượng vàng là 99,9%; khối lượng mẫu là 7,49 gam.

- 01 (một) chiếc nhẫn tròn trơn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong nhẫn có số “9999” bên ngoài được mạ vàng (Au), phía trong lớp mạ là hợp kim của đồng (Cu) và kẽm (Zn); hàm lượng trung bình của từng kim loại như sau: đồng là 68,3%; kẽm là 31,7%; khối lượng mẫu là 4,10 gam.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐDGTS ngày 20/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Mộ Đức, kết luận như sau:

- 01 (một) chiếc nhẫn tròn trơn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong nhẫn có chữ, số “K 9999 20”, là kim loại vàng (Au); hàm lượng vàng là 99,9%, khối lượng mẫu là 7,49 gam có giá trị là 10.823.740đ (mười triệu tám trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

- 01 (một) chiếc nhẫn tròn trơn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong nhẫn có số “9999”, được mạ vàng (Au); phía trong lớp mạ là hợp kim đồng (Cu) và kẽm (Zn); hàm lượng trung bình từng kim loại như sau: Đồng là 68,3%, kẽm là 31,7%; khối lượng mẫu là 4,1 gam có giá trị là 10.000đ (mười nghìn đồng).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Lê Thanh Đ đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đồng thời bị hại đã viết giấy bãi nại về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mặt khác, ông Lê Đức Nh (bác ruột của bị cáo Đ) có công với Cách mạng được Nhà nước công nhận thương binh. Đề nghị áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS-MĐ, ngày 15/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Lê Thanh Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thanh Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Thanh Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo.

Về dân sự: Người bị hại ông Phạm Ngọc H đã nhận lại tài sản bị lừa đảo và không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo không có thu nhập nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Mộ Đức đã tạm giữ:

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 76G1-033.95
- 01 (một) chiếc nhẫn tròn trơn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong nhẫn có chữ, số “K 9999 20”;
- 01 (một) chiếc nhẫn tròn trơn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong nhẫn có số “9999”;

Xử lý vật chứng:

Sau khi giám định, định giá tài sản và điều tra làm rõ, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Mộ Đức đã trả lại cho chủ sở hữu:

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 76G1-033.95 cho ông Lê Thanh V;
- 01 (một) chiếc nhẫn tròn trơn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong nhẫn có chữ số “K 9999 20” cho ông Phạm Ngọc H;

Việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu là có căn cứ.

Đề nghị tuyên tiêu hủy: 01 (một) chiếc nhẫn tròn trơn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong nhẫn có số “9999”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mộ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh Đ và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại ông Phạm Ngọc H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại các Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo Lê Thanh Đ nảy sinh ý định sử dụng chiếc nhẫn màu vàng, mặt trong có chữ, số “9999” (chiếc nhẫn giả vàng), đã mua trước đó của một người bán hàng rong, với giá 10.000đ (mười nghìn đồng) để thực hiện hành vi gian dối với mục đích dùng chiếc nhẫn giả để trao chiếc nhẫn vàng thật tại tiệm vàng K (do ông Phạm Ngọc H làm chủ); tài sản mà bị cáo Lê Thanh Đ lừa đảo được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mộ Đức, kết luận tổng giá trị tài sản thiệt hại là 10.823.740đ (*mười triệu tám trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi đồng*). Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Thanh Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Lê Thanh Đ có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo Lê Thanh Đ là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương, nên cần xử bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời cũng là bài học cảnh tỉnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật trong nhân dân. Tuy nhiên, cũng xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Lê Thanh Đ đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đồng thời bị hại đã viết giấy bãi nại về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mặt khác, bị cáo có bác ruột là ông Lê Đức Nh có công với Cách mạng được Nhà nước công nhận thương binh. Nên được áp dụng điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Về dân sự: Bị hại ông Phạm Ngọc H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[8.1] Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Mộ Đức đã trả lại cho chủ sở hữu:

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 76G1-033.95 đứng tên Lê Thanh V, do khi bị cáo Lê Thanh Đ sử dụng xe mô tô này để thực hiện hành vi phạm tội anh Vọng không biết.

- 01 (một) chiếc nhẫn tròn trơn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong nhẫn có chữ số “K 9999 20” cho bị hại ông Phạm Ngọc H.

Việc trả lại tài sản nêu trên là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[8.2] Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) chiếc nhẫn tròn trơn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong nhẫn có số “9999”;

[9] Do bị cáo không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về án phí: Bị cáo Lê Thanh Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[12] Về căn cứ truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh Đ 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/6/2023).

Giao bị cáo Lê Thanh Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92, Điều 68 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) túi đã được gián giấy niêm phong, trên giấy niêm phong có con dấu của Cơ quan CSĐT- Công an huyện Mộ Đức, chữ ký và họ tên của Nguyễn Đình Tr, Nguyễn Bùi Anh D, Lê Thanh Đ, Phạm Ngọc H, bên trong có chứa 01 (một) chiếc nhẫn tròn trơn bằng kim loại, màu vàng, mặt trong nhẫn có số “9999”, khối lượng mẫu là 4,09 gam.

Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 29/5/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộ Đức và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Thanh Đ phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Lê Thanh Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- CQCSĐT Công an huyện Mộ Đức;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mộ Đức;
- Phòng NVLT Công an huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Sang

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

